

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 81/2007/TT-BTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2007

THÔNG TƯ**hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với
Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã**

Căn cứ Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 59/2007/QĐ-BTC ngày 11 tháng 7 năm 2007, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng cho Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

2. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã được ngân sách Nhà nước cấp vốn điều lệ. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã có trách nhiệm bảo toàn vốn và bù đắp chi

phí. Quỹ được miễn nộp thuế và các khoản nộp Ngân sách nhà nước đối với các hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong các lĩnh vực đổi mới phát triển sản phẩm, đổi mới phát triển công nghệ, kỹ thuật; phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm; xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới, các mô hình hợp tác xã điển hình tiên tiến.

3. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã là đơn vị hạch toán độc lập, được sử dụng các khoản thu nhập để trang trải các chi phí trong quá trình hoạt động; được phân phối chênh lệch thu chi tài chính theo đúng các quy định tại Thông tư này.

4. Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý an toàn vốn và tài sản của Quỹ, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.

5. Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài chính. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và phê duyệt quyết toán hoạt động thu, chi tài chính hàng năm của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã và báo cáo Bộ Tài chính.

II. QUY ĐỊNH VỀ VỐN VÀ TÀI SẢN

1. Vốn hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã gồm:

1.1. Vốn điều lệ ban đầu của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã là 100 tỷ đồng do Ngân sách nhà nước cấp. Khi có yêu cầu thay đổi mức vốn điều lệ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã đề nghị Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

1.2. Các khoản đóng góp tự nguyện của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

1.3. Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

1.4. Các khoản viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

1.5. Vốn nhận ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ

phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

1.6. Vốn từ các chương trình, dự án trong và ngoài nước hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

1.7. Vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân và vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Vốn hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo an toàn theo các mục tiêu, nhiệm vụ hoạt động quy định tại Quyết định thành lập và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

3. Bộ Tài chính bố trí và cấp phát vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo các quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật ngân sách nhà nước.

4. Hàng năm Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã phải cân đối nguồn vốn và nhu cầu vốn cho hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thực hiện kế hoạch hóa các nguồn vốn huy động.

5. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định:

5.1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã được hình thành từ các nguồn sau:

a) Vốn điều lệ hiện có của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

b) Ngân sách nhà nước cấp (nếu có);

c) Khấu hao tài sản cố định;

d) Quỹ đầu tư phát triển và các nguồn hợp pháp khác.

5.2. Vốn đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ cho các hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã không vượt quá 15% vốn điều lệ hiện có của Quỹ. Toàn bộ công tác đầu tư, mua sắm tài sản cố định của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã được thực hiện theo các quy định như đối với công ty Nhà nước. Hàng năm Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã phải xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định trình Hội đồng quản lý xem xét phê duyệt và thực hiện công tác đầu tư mua sắm trong phạm vi kế hoạch được duyệt.

6. Kiểm kê, đánh giá lại tài sản

6.1. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã phải thực hiện kiểm kê, đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

a) Kiểm kê, đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

b) Thu hồi tài sản thế chấp khi chủ đầu tư không trả được nợ;

c) Thanh lý, nhượng bán tài sản.

6.2. Việc kiểm kê, đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định hiện hành đối với công ty nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại tài sản (trừ khoản thu hồi tài sản thế chấp, tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ khi chủ đầu tư không trả được nợ) được hạch toán tăng hoặc giảm vốn của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo quy định như đối với công ty nhà nước.

7. Đối với các trường hợp tổn thất về tài sản, Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã phải xác định rõ nguyên nhân và xử lý:

7.1. Nếu tài sản bị tổn thất do lỗi của tập thể và cá nhân thì tập thể, cá nhân gây ra phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

7.2. Nếu tài sản đã mua bảo hiểm theo pháp luật thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

7.3. Sau khi thực hiện các biện pháp ở Điểm 7.1 và 7.2 nêu trên, nếu không đủ thì phần còn thiếu được đưa vào chi phí của Quỹ.

8. Việc trích lập và sử dụng khấu hao tài sản cố định của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với doanh nghiệp.

9. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã được quyền cho thuê trụ sở, tài sản thuộc quyền quản lý của Quỹ theo nguyên tắc

có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của Bộ Luật dân sự và các quy định khác của pháp luật.

10. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã được thanh lý, nhượng bán những tài sản kém, mất phẩm chất, tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi, tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả.

10.1. Khi thanh lý tài sản Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã phải định giá tài sản và tổ chức đấu giá theo quy định của pháp luật như đối với doanh nghiệp.

10.2. Chênh lệch giữa số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán và chi phí thanh lý, nhượng bán (nếu có) được hạch toán vào thu nhập của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Trường hợp số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán tài sản thấp hơn giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán và chi phí thanh lý, nhượng bán (nếu có) thì phần chênh lệch được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

III. QUY ĐỊNH VỀ TRÍCH LẬP QUỸ DỰ PHÒNG RỦI RO

1. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã được trích lập quỹ dự phòng rủi ro để

bù đắp tổn thất (xóa nợ gốc) do nguyên nhân khách quan bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, động đất, dịch bệnh...) phát sinh trong quá trình thực hiện cho vay các dự án, hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc và được hạch toán vào chi phí nghiệp vụ của Quỹ.

2. Mức trích lập quỹ dự phòng rủi ro do Hội đồng quản lý quyết định hàng năm nhưng tối thiểu bằng 0,2% tính trên dư nợ cho vay hàng năm của Quỹ. Việc trích lập được thực hiện theo mỗi năm một lần khi kết thúc năm tài chính.

3. Cuối năm, nếu không sử dụng hết quỹ dự phòng rủi ro, số dư của quỹ được chuyển sang quỹ dự phòng rủi ro năm sau. Trường hợp số dư của quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp tổn thất phát sinh trong năm, Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã báo cáo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Bộ Tài chính xem xét quyết định.

IV. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Thu nhập của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã là toàn bộ các khoản thực thu trong năm, phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ khác của Quỹ, bao gồm:

1.1. Thu nhập từ các hoạt động nghiệp vụ:

a) Thu lãi cho vay của các dự án vay vốn đầu tư của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

b) Thu phí từ hoạt động hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc;

c) Thu lãi tiền gửi của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã gửi tại Kho bạc nhà nước và các ngân hàng thương mại;

d) Thu phí nhận ủy thác cho vay lại theo hợp đồng ủy thác;

đ) Thu hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ khác.

1.2. Thu nhập từ hoạt động tài chính:

a) Thu từ lãi hoạt động mua, bán trái phiếu Chính phủ;

b) Thu từ hoạt động cho thuê tài sản;

c) Các khoản thu từ dịch vụ tài chính khác.

1.3. Thu nhập từ hoạt động bất thường:

a) Các khoản thu phạt;

b) Thu thanh lý, nhượng bán tài sản của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau khi trừ giá trị còn lại và các khoản chi phí thanh lý, nhượng bán);

c) Thu chênh lệch do đánh giá lại tài sản thế chấp khi chủ đầu tư không trả được nợ, tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ;

d) Thu nợ đã xóa nay thu hồi được;

đ) Các khoản thu nhập bất thường khác.

2. Chi phí của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã là các khoản thực chi cần thiết cho hoạt động của Quỹ, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Mức chi, đối tượng chi được thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp pháp luật chưa có quy định, Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã căn cứ vào khả năng tài chính xây dựng định mức, quyết định việc chi tiêu và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Các khoản chi phí phải nằm trong kế hoạch tài chính năm đã được Hội đồng quản lý phê duyệt, bao gồm:

2.1. Chi hoạt động nghiệp vụ:

a) Chi phí huy động vốn;

b) Chi phí dịch vụ thanh toán;

c) Chi phí ủy thác;

d) Chi trích lập quỹ dự phòng rủi ro;

đ) Chi thuê tổ chức, chuyên gia thẩm định dự án; chi cộng tác viên;

e) Chi khác cho hoạt động nghiệp vụ.

2.2. Chi cho người lao động làm việc trực tiếp tại Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã:

a) Chi lương, phụ cấp lương theo chế độ hiện hành như đối với công ty nhà nước;

b) Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đóng góp kinh phí công đoàn theo chế độ Nhà nước quy định;

c) Chi ăn ca: mức chi hàng tháng cho mỗi người không vượt quá mức lương tối thiểu Nhà nước quy định cho công nhân viên chức;

d) Chi trang phục giao dịch (mỗi năm 02 bộ hè thu, 2 năm một bộ comple đối với nam, áo dài đối với nữ), chi phương tiện bảo hộ lao động theo quy định;

đ) Chi phụ cấp cho thành viên Hội đồng quản lý, cán bộ làm việc bán chuyên trách; chi thuê chuyên gia;

e) Chi khác theo quy định.

2.3. Chi phí quản lý:

a) Chi khấu hao tài sản cố định;

b) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ:

- Chi mua sắm công cụ lao động, vật tư văn phòng;

- Chi về cước phí Bưu điện và truyền tin bao gồm: chi về bưu phí, truyền tin, điện báo, telex, fax, dịch vụ internet... trả theo hóa đơn của cơ quan bưu điện và đơn vị cung cấp dịch vụ;

- Chi điện, nước, y tế, vệ sinh cơ quan;

- Chi xăng dầu vận chuyển phục vụ

cán bộ đi công tác theo chế độ Nhà nước quy định;

- Chi công tác phí cho cán bộ theo quy định;

- Chi phí tuyên truyền, họp báo, chi phí giao dịch, đối ngoại, chi phí hội nghị, hội thảo;

- Chi cho việc thanh tra, kiểm tra theo chế độ quy định;

- Chi bảo dưỡng sửa chữa tài sản;

- Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ;

- Chi đoàn ra, đoàn vào theo chế độ quy định của Nhà nước.

c) Trích quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm theo quy định của Nhà nước;

Nếu quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc hàng năm không chi hết, được chuyển số dư sang năm sau. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc làm trong năm tài chính thì toàn bộ phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí quản lý trong kỳ.

d) Chi phí quản lý khác theo quy định;

2.4. Chi hoạt động tài chính:

a) Chi cho hoạt động mua, bán trái phiếu Chính phủ;

b) Chi phí cho thuê tài sản và các khoản chi hoạt động tài chính khác.

2.5. Các khoản chi bất thường:

a) Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa;

b) Chi phí để thu các khoản phạt theo quy định;

c) Chi bảo hiểm tài sản và chi các loại bảo hiểm khác theo quy định;

d) Chi chênh lệch do đánh giá lại tài sản thể chấp khi chủ đầu tư không trả được nợ, tài sản được hình thành từ vốn vay của Quỹ;

đ) Chi hỗ trợ cho các hoạt động của Đảng, đoàn thể của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo quy định của Nhà nước;

e) Các khoản chi khác theo quy định.

3. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã không được hạch toán vào chi phí các khoản sau:

3.1. Các khoản thiệt hại đã được Chính phủ hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường.

3.2. Các khoản chi phạt do vi phạm hành chính do nguyên nhân chủ quan, phạt vi phạm chế độ tài chính.

3.3. Các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, nâng cấp, cải tạo tài sản cố định thuộc nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

3.4. Các khoản chi mua sắm, xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng và trang thiết bị các tài sản phúc lợi.

4. Trong thời gian 5 năm đầu hoạt động, trường hợp các khoản thu của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã không đủ bù đắp chi phí, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Bộ Tài chính xem xét xử lý cụ thể.

V. PHÂN PHỐI THU NHẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ

1. Phân phối thu nhập.

Chênh lệch thu, chi tài chính hàng năm bằng thu nhập trừ đi chi phí hợp lý, hợp lệ, được phân phối như sau:

1.1. Thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật hiện hành trừ các khoản thuế được miễn theo quy định tại Điểm 2, Mục I của Thông tư này.

1.2. Trừ các khoản tiền phạt vi phạm kỷ luật thu nộp ngân sách, các khoản chi phí hợp lệ chưa được trừ.

1.3. Phần còn lại được trích lập các quỹ sau đây:

a) Trích 50% vào quỹ đầu tư phát triển;

b) Trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi. Mức trích 2 quỹ tối đa bằng 3 tháng lương thực hiện;

c) Phần còn lại sau khi trích lập các quỹ trên được trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

2. Mục đích sử dụng các quỹ.

2.1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ dùng để bổ sung vốn điều lệ của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

2.2. Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để đầu tư, mua sắm tài sản, đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

2.3. Quỹ khen thưởng dùng để:

a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ viên chức của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Mức thưởng do Giám đốc quyết định trên cơ sở năng suất lao động, thành tích của mỗi cán bộ, viên chức;

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả. Mức thưởng do Giám đốc Quỹ quyết định;

c) Thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã có quan hệ, đóng góp hiệu quả vào hoạt động của Quỹ. Mức thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

2.4. Quỹ phúc lợi dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị theo hợp đồng thỏa thuận;

b) Chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, viên chức Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

c) Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, viên chức Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

d) Đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội và chi các hoạt động phúc lợi khác.

Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã phối hợp với ban chấp hành công đoàn quỹ để quản lý, sử dụng quỹ phúc lợi.

VI. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN THỐNG KÊ VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

1. Năm tài chính của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã được vận dụng chế độ kế toán của Ngân hàng phát triển Việt Nam để thực hiện hạch toán kế toán.

3. Hàng năm, Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã có trách nhiệm lập và báo cáo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Bộ Tài chính các kế hoạch sau:

3.1. Kế hoạch vốn hàng năm bao gồm: Vốn điều lệ Ngân sách nhà nước cấp, vốn thu hồi nợ vay, vốn huy động khác.

3.2. Kế hoạch sử dụng vốn bao gồm: kế hoạch cho vay đầu tư, kế hoạch hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc và kế hoạch sử dụng vốn khác.

3.3. Kế hoạch thu chi tài chính kèm theo thuyết minh chi tiết về các mục thu, chi.

4. Định kỳ (6 tháng, năm) Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã lập và gửi báo cáo tài chính cho Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ Tài chính:

4.1. Báo cáo 6 tháng được gửi chậm nhất vào ngày 31 tháng 7 của năm.

4.2. Báo cáo quyết toán năm do Chủ

tịch Liên minh hợp tác xã Việt Nam phê duyệt gửi Bộ Tài chính chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 của năm sau.

5. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã chịu sự kiểm tra tài chính của Bộ Tài chính, gồm:

5.1. Kiểm tra báo cáo kế toán và báo cáo quyết toán định kỳ hoặc đột xuất.

5.2. Kiểm tra chuyên đề theo từng yêu cầu của công tác quản lý tài chính.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà